|  |  |
| --- | --- |
| **CHÍNH PHỦ -------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** |
| Số: /2020/NĐ-CP | *Hà Nội, ngày tháng năm 2020* |

**NGHỊ ĐỊNH**

**Quy định lộ trình thực hiện nâng trình độ chuẩn được đào tạo**

**của giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;*

*Chính phủ ban hành Nghị định quy định lộ trình thực hiện nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở.*

**Chương I**

**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Nghị định này quy định lộ trình thực hiện nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở theo quy định tại điểm a và b khoản 1 Điều 72 Luật Giáo dục.

2. Nghị định này áp dụng đối với giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục (sau đây gọi chung là giáo viên) trong các cơ sở giáo dục mầm non; trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp tiểu học hoặc cấp trung học cơ sở, trường chuyên biệt, trung tâm giáo dục thường xuyên thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học hoặc cấp trung học cơ sở (sau đây gọi chung là cơ sở giáo dục phổ thông) và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

3. Giáo viên trong các trường dân lập, tư thục thuộc đối tượng phải nâng trình độ chuẩn được đào tạo được áp dụng các quy định tại Nghị định này.

**Điều 2. Đối tượng thực hiện nâng trình độ chuẩn được đào tạo**

1. Giáo viên mầm non chưa có bằng tốt nghiệp cao đẳng sư phạm trở lên, tính từ ngày 01 tháng 7 năm 2020 còn đủ 7 (bảy) năm công tác (84 tháng) đến tuổi được nghỉ hưu theo quy định.

2. Giáo viên dạy cấp học tiểu học chưa có bằng cử nhân thuộc ngành đào tạo giáo viên tiểu học hoặc chưa có bằng cử nhân chuyên ngành phù hợp và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm trở lên, tính từ ngày 01 tháng 7 năm 2020 còn đủ 8 (tám) năm công tác (96 tháng) đối với giáo viên có trình độ trung cấp, còn đủ 7 (bảy) năm công tác (84 tháng) đối với giáo viên có trình độ cao đẳng đến tuổi được nghỉ hưu theo quy định.

3. Giáo viên trung học cơ sở chưa có bằng cử nhân thuộc ngành đào tạo giáo viên hoặc chưa có bằng cử nhân chuyên ngành phù hợp và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm trở lên, tính từ ngày 01 tháng 7 năm 2020 còn đủ 7 (bảy) năm công tác (84 tháng) đến tuổi được nghỉ hưu theo quy định.

**Điều 3. Nguyên tắc thực hiện lộ trình nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên**

1. Việc xác định lộ trình và việc tổ chức thực hiện lộ trình nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên phải bảo đảm phù hợp với thực tiễn và điều kiện của giáo viên, cơ sở giáo dục, địa phương; không để xảy ra tình trạng thiếu giáo viên giảng dạy.

2. Việc xác định đối tượng giáo viên tham gia đào tạo nâng trình độ chuẩn được đào tạo phải bảo đảm đúng độ tuổi, trình độ đào tạo của giáo viên. Ưu tiên bố trí những giáo viên còn đủ tối thiểu năm công tác tính đến tuổi nghỉ hưu theo quy định tại Điều 2 Nghị định này tham gia đào tạo trước.

3. Việc thực hiện lộ trình nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên phải bảo đảm khách quan, công khai, công bằng và hiệu quả.

**Chương II**

**NÂNG TRÌNH ĐỘ CHUẨN ĐƯỢC ĐÀO TẠO**

**CỦA GIÁO VIÊN MẦM NON, TIỂU HỌC, TRUNG HỌC CƠ SỞ**

**Điều 4. Lộ trình thực hiện nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên mầm non**

1. Lộ trình thực hiện từ ngày 01 tháng 7 năm 2020 đến hết ngày 31 ngày 12 tháng 2030.

2. Lộ trình được thực hiện thành hai giai đoạn:

a) Giai đoạn 1: Từ 01 tháng 7 năm 2020 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2025, bảo đảm đạt ít nhất 60% số giáo viên mầm non đang được đào tạo hoặc đã hoàn thành chương trình đào tạo được cấp bằng tốt nghiệp cao đẳng sư phạm;

b) Giai đoạn 2: Từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2030, thực hiện đối với số giáo viên còn lại để bảo đảm 100% số giáo viên mầm non hoàn thành chương trình đào tạo được cấp bằng tốt nghiệp cao đẳng sư phạm.

**Điều 5. Lộ trình thực hiện nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên tiểu học**

1. Lộ trình thực hiện từ ngày 01 tháng 7 năm 2020 đến hết ngày 31 ngày 12 tháng 2030.

2. Lộ trình được thực hiện thành hai giai đoạn:

a) Giai đoạn 1: Từ 01 tháng 7 năm 2020 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2025, bảo đảm đạt ít nhất 50% số giáo viên tiểu học đang được đào tạo hoặc đã hoàn thành chương trình đào tạo được cấp bằng cử nhân;

b) Giai đoạn 2: Từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2030, thực hiện đối với số giáo viên còn lại để bảo đảm 100% số giáo viên tiểu học hoàn thành chương trình đào tạo được cấp bằng cử nhân.

**Điều 6. Lộ trình thực hiện nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên trung học cơ sở**

1. Lộ trình thực hiện từ ngày 01 tháng 7 năm 2020 đến hết ngày 31 ngày 12 tháng 2030.

2. Lộ trình được thực hiện thành hai giai đoạn:

a) Giai đoạn 1: Từ 01 tháng 7 năm 2020 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2025, bảo đảm đạt ít nhất 60% số giáo viên trung học cơ sở đang được đào tạo hoặc đã hoàn thành chương trình đào tạo được cấp bằng cử nhân;

b) Giai đoạn 2: Từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2030, thực hiện đối với số giáo viên còn lại để bảo đảm 100% số giáo viên trung học cơ sở hoàn thành chương trình đào tạo được cấp bằng cử nhân.

**Điều 7. Phương thức đặt hàng, giao nhiệm vụ trong đào tạo nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên**

1. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân tỉnh) quyết định giao nhiệm vụ, đặt hàng đào tạo nâng trình độ chuẩn của giáo viên với cơ sở đào tạo giáo viên trên cơ sở khả năng đáp ứng việc đào tạo và kế hoạch thực hiện hàng năm của các địa phương.

2. Việc giao nhiệm vụ, đặt hàng đào tạo nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên thực hiện theo các quy định hiện hành vềgiao nhiệm vụ, đặt hàng sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách Nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên.

3. Đơn giá thực hiện giao nhiệm vụ, đặt hàng đào tạo nâng trình độ chuẩn giáo viên được xác định bằng mức hỗ trợ tiền đóng học phí đối với học sinh, sinh viên sư phạm theo quy định hiện hành của pháp luật.

**Điều 8. Kế hoạch thực hiện lộ trình nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên**

1. Kế hoạch thực hiện lộ trình nâng trình độ chuẩn của giáo viên được xây dựng trên cơ sở định hướng, mục tiêu xây dựng và phát triển đội ngũ giáo viên của Nhà nước, của Ủy ban nhân dân tỉnh và chỉ tiêu cần đạt quy định tại Điều 4, Điều 5 và Điều 6 Nghị định này, bao gồm: Kế hoạch thực hiện lộ trình 5 năm và kế hoạch thực hiện từng năm.

2. Quy trình xây dựng kế hoạch:

a) Sở Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn xây dựng kế hoạch; trên cơ sở đó, các cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông xây dựng kế hoạch, gửi Phòng Giáo dục và Đào tạo tổng hợp và gửi về Sở Giáo dục và Đào tạo để xây dựng kế hoạch chung trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt và tổ chức thực hiện.

b) Ủy ban nhân dân tỉnh gửi kế hoạch về Bộ Giáo dục và Đào tạo để tổng hợp, xây dựng kế hoạch và chỉ đạo tổ chức thực hiện.

3. Nội dung chính của kế hoạch bao gồm:

a) Mục tiêu, nguyên tắc, cách thức chọn cử giáo viên tham gia đào tạo;

b) Xác định lộ trình; số lượng giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở phải thực hiện đào tạo nâng trình độ chuẩn từng năm và cả lộ trình;

c) Kinh phí để đào tạo giáo viên tương ứng với kế hoạch về số lượng giáo viên theo các cấp học và trình độ đào tạo;

d) Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị và tổ chức, cá nhân trong triển khai thực hiện kế hoạch.

4. Kế hoạch thực hiện lộ trình 5 năm giai đoạn 1 và kế hoạch thực hiện năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh phải được ban hành trong thời gian 60 ngày, kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành. Kế hoạch của các năm tiếp theo phải được ban hành trước ngày 31 tháng 12 của năm trước liền kề với năm thực hiện.

**Điều 9. Kinh phí thực hiện lộ trình nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên**

1. Kinh phí thực hiện lộ trình nâng trình độ chuẩn của giáo viên do ngân sách địa phương bảo đảm theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các nguồn kinh phí khác theo quy định của pháp luật.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh thanh toán kinh phí đào tạo nâng trình độ chuẩn giáo viên cho các cơ sở đào tạo được giao nhiệm vụ, đặt hàng theo quy định của pháp luật.

**Điều 10. Quyền và trách nhiệm của giáo viên tham gia đào tạo nâng trình độ chuẩn**

1. Đối với giáo viên được cử đi đào tạo nâng trình độ chuẩn:

a) Được cơ quan quản lý, sử dụng tạo điều kiện về thời gian và được hỗ trợ, cấp kinh phí đào tạo theo quy định;

b) Được tính thời gian đào tạo vào thời gian công tác liên tục;

c) Giáo viên thuộc đối tượng nâng trình độ chuẩn được đào tạo quy định tại Điều 2 Nghị định này được miễn học phí.

d) Được hưởng 100% lương và các chế độ, phụ cấp theo quy định của pháp luật;

e) Được biểu dương, khen thưởng khi có thành tích xuất sắc trong học tập.

2. Trách nhiệm của giáo viên được cử đi đào tạo nâng trình độ chuẩn:

a) Thực hiện các quy định về đào tạo, quy chế và quy định về thời gian đào tạo; chịu sự quản lý của cơ sở đào tạo trong thời gian tham gia các hoạt động đào tạo;

b) Có cam kết thực hiện nhiệm vụ, công vụ tại cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông sau khi hoàn thành chương trình đào tạo trong thời gian ít nhất gấp 02 lần thời gian đào tạo;

c) Trong suốt thời gian khóa học, giáo viên vẫn phải thực hiện các nhiệm vụ công tác theo quy định khi không phải tham gia các hoạt động đào tạo.

**Điều 11.** **Đền bù chi phí đào tạo**

Giáo viên được cử đi đào tạo bằng nguồn ngân sách Nhà nước hoặc kinh phí của cơ quan quản lý, sử dụng phải đền bù chi phí đào tạo khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

1. Tự ý bỏ học, bỏ việc hoặc đơn phương chấm dứt hợp đồng làm việc, hợp đồng lao động trong thời gian đào tạo.

2. Không được cơ sở đào tạo cấp bằng tốt nghiệp.

3. Đã hoàn thành và được cấp bằng tốt nghiệp khóa học nhưng bỏ việc hoặc đơn phương chấm dứt hợp đồng làm việc, hợp đồng lao động khi chưa phục vụ đủ thời gian cam kết quy định tại điểm b khoản 2 Điều 10 Nghị định này.

**Điều 12. Chế độ báo cáo**

1. Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo kế hoạch thực hiện 5 năm giai đoạn 1, kế hoạch thực hiện năm 2020 về Bộ Giáo dục và Đào tạo trong thời gian 90 ngày kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành. Kế hoạch của các năm tiếp theo báo cáo về Bộ Giáo dục và Đào tạo trước ngày 31 tháng 12 của năm trước liền kề với năm thực hiện.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo tình hình, kết quả đào tạo hàng năm và từng giai đoạn về Bộ Giáo dục và Đào tạo trước ngày 31 tháng 01 của năm sau liền kề với năm thực hiện hoặc theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

3. Sở Giáo dục và Đào tạo là đơn vị đầu mối giúp Ủy ban nhân dân tỉnh tổng hợp số lượng giáo viên, đề xuất kế hoạch thực hiện trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt; tổng hợp kết quả đào tạo hàng năm gửi cơ quan có thẩm quyền.

**Chương III**

**TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**Điều 13. Trách nhiệm của Bộ Giáo dục và Đào tạo**

1. Chỉ đạo, hướng dẫn các địa phương xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện kế hoạch có kết quả.

2. Thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm việc bố trí, sắp xếp, chọn cử giáo viên tham gia đào tạo; kết quả, tiến độ và các quy định liên quan đến thực hiện lộ trình nâng trình độ chuẩn của giáo viên và thực hiện chế độ, chính sách theo quy định.

3. Tổ chức sơ kết khi kết thúc giai đoạn 1 và tổ chức tổng kết khi kết thúc lộ trình để đánh giá tình hình, kết quả thực hiện.

**Điều 14. Trách nhiệm của Bộ, cơ quan ngang Bộ**

1. Phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo chỉ đạo các địa phương về việc rà soát, bố trí, sắp xếp giáo viên và biên chế giao cho ngành Giáo dục; chế độ, chính sách; thực hiện công tác truyền thông nhằm tạo điều kiện cho các cơ quan, đơn vị và các giáo viên thực hiện có kết quả lộ trình nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên.

2. Phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra theo quy định.

**Điều 15. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh**

1. Chỉ đạo xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện kế hoạch theo từng năm và cả lộ trình thực hiện.

2. Chỉ đạo, hướng dẫn, quy định tiêu chí lựa chọn, số lượng/chỉ tiêu cụ thể đối với giáo viên theo từng môn học, cấp học để làm căn cứ xây dựng kế hoạch thực hiện cho từng năm và cả lộ trình.

3. Bố trí kinh phí từ nguồn ngân sách địa phương theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước để thực hiện nhiệm vụ đào tạo nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên theo quy định về chính sách hỗ trợ tiền đóng học phí, chi phí sinh hoạt đối với học sinh, sinh viên sư phạm hàng năm theo kế hoạch. Giao nhiệm vụ, đặt hàng với cơ sở đào tạo giáo viên để thực hiện đào tạo nâng trình độ chuẩn cho giáo viên theo quy định của pháp luật hiện hành.

4. Chỉ đạo Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Nội vụ, Sở Tài chính và các sở ban ngành liên quan, Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân huyện) chọn cử, bố trí, sắp xếp giáo viên; sơ kết, tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện và rút kinh nghiệm về công tác này.

**Điều 16.** **Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân huyện**

1. Chỉ đạo Phòng Giáo dục và Đào tạo, Phòng Nội vụ các cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học, trung học cơ sở rà soát, lập danh sách giáo viên phải thực hiện nâng trình độ chuẩn; xác định thời gian giáo viên tham gia đào tạo; bố trí, sắp xếp giáo viên giảng dạy và bố trí chương trình, thời khóa biểu phù hợp để giáo viên vừa làm vừa học.

2. Chỉ đạo xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch.

3. Chỉ đạo sơ kết, tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện và rút kinh nghiệm về công tác này.

**Điều 17. Trách nhiệm của các cơ sở đào tạo giáo viên**

1. Xác định phương thức, hình thức đào tạo, tuyển sinh; xây dựng các chương trình đào tạo, bồi dưỡng bảo đảm khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực người học đạt được sau khi tốt nghiệp theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo kèm theo giáo trình, học liệu phù hợp với đối tượng giáo viên vừa làm vừa học. Chuẩn bị các điều kiện về cơ sở vật chất, đội ngũ giảng viên để thực hiện lộ trình đào tạo nâng trình độ chuẩn của giáo viên.

2. Thông báo công khai chỉ tiêu tuyển sinh; hình thức tuyển sinh; thời gian tuyển sinh và thời gian đào tạo; chương trình, hình thức đào tạo; chuẩn đầu ra; điều kiện thực hiện đào tạo; chi phí đào tạo/người để các địa phương lựa chọn giao nhiệm vụ, đặt hàng.

**Điều 18. Trách nhiệm của đơn vị sử dụng giáo viên**

1. Lập danh sách giáo viên thuộc đối tượng nâng trình độ chuẩn; đề xuất năm tham gia tuyển sinh đào tạo gửi về phòng giáo dục và đào tạo để tổng hợp.

2. Căn cứ vào kế hoạch đào tạo được phê duyệt, bố trí, sắp xếp công việc của giáo viên phù hợp để tạo điều kiện thuận lợi cho giáo viên vừa làm vừa học.

3. Bảo đảm các chế độ, chính sách đối với giáo viên theo quy định.

**Chương IV**

**ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

**Điều 19. Hiệu lực thi hành**

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm 2020.

**Điều 20. Trách nhiệm thi hành**

Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Thủ trưởng cơ quan quản lý, đơn vị sử dụng giáo viên chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Ban Bí thư Trung ương Đảng; - Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ; - Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; - HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng; - Văn phòng Tổng Bí thư; - Văn phòng Chủ tịch nước; - Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội; - Văn phòng Quốc hội; - Tòa án nhân dân tối cao; - Viện kiểm sát nhân dân tối cao; - Kiểm toán nhà nước; - Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia; - Ngân hàng Chính sách xã hội; - Ngân hàng Phát triển Việt Nam; - Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; - Cơ quan trung ương của các đoàn thể; - VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT,  các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo. - Lưu: VT, TCCV (2).KN | **TM. CHÍNH PHỦ THỦ TƯỚNG**  **Nguyễn Xuân Phúc** |